

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15-12-2017.
V/v “Tranh chấp kiện ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Thi và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Tổ 4, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Trần Tiến T, sinh năm 1982.

Nơi ĐKNKTT: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Tổ 4, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị B; Anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Tiến T kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 13/9/2004 tại UBND thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cách sống, quan điểm

sống của hai bên không hợp nhau. Ngoài ra còn do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và nhiều lần xô xát đánh nhau. Gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng nhưng không được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T; Anh T xác định tình cảm của anh dành cho chị B vẫn còn nên anh xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung trưởng thành.

Về con chung: Chị B và anh T cùng thống nhất, vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Tiến Đ (con trai), sinh ngày 27/5/2005 và cháu Trần Khánh L (con gái), sinh ngày 04/6/2009. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị B. Khi ly hôn, chị B xin được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng; Anh T xin được nuôi cháu Đ và giao chị B nuôi cháu Ly, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị B không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị B và anh T cùng thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của cháu Trần Tiến Đ và cháu Trần Khánh L: Các cháu thấy bố mẹ hay cãi nhau, bố các cháu ít ở nhà, ít quan tâm đến các cháu. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu tôn trọng quyết định của bố mẹ. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn, cháu Đ có nguyện vọng xin được ở với bố Trần Tiến T, còn cháu L có nguyện vọng xin được ở với mẹ Nguyễn Thị B.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị Nguyễn Thị B có quan điểm: Về hôn nhân chị xin ly hôn với anh T; Về con chung, nếu ly hôn chị xin được nuôi cháu L còn giao anh T nuôi cháu Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

-Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B với anh T. Xử lý hôn giữa chị B và anh T.

2/ Về con chung: Giao cháu L cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3/ Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện chị B không có thai nghén gì.

4/ Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử (HĐXX), thấy:

* Về thẩm quyền: Xét thấy cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về tố tụng: Anh Trần Tiến T là bị đơn trong vụ kiện đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

[1] Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Tiến T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2004 tại UBND thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội, nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B, HĐXX thấy:

Sau kết hôn, vợ chồng chị B và anh T đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có hai con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Ngoài ra còn do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và

nhiều lần xô xát đánh nhau. Gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng nhưng không được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Quá trình ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và HĐXX đã phân tích, khuyên bảo vợ chồng anh chị về đoàn tụ, nhưng chị B vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh T. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên xử cho chị B ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất thống nhất có hai con chung là cháu Trần Tiến Đ (con trai), sinh ngày 27/5/2005 và cháu Trần Khánh L (con gái), sinh ngày 04/6/2009. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị B. Nay chị B và anh T cùng thống nhất: giao chị B được trực tiếp nuôi cháu L, giao anh T trực tiếp nuôi cháu Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy, sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật. Mặt khác, cháu Đ và cháu L hiện nay trên 07 tuổi, tại các biên bản tự khai tại Tòa án cháu Đ cũng có nguyện vọng xin được ở với anh T, cháu L cũng có nguyện vọng xin được ở với chị B khi bố mẹ ly hôn. Do đó HĐXX chấp nhận việc thỏa thuận của chị B và anh T, giao cháu L cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị B không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị B và anh T cùng thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 143; 144; 147; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Tiến T.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị B được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Trần Khánh L (con gái), sinh ngày

04/6/2009; Giao anh Trần Tiến T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Trần Tiến Đ (con trai), sinh ngày 27/5/2005. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị B không có thai nghén gì

3/ Về tài sản chung và công nợ chung: Chị B và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ. Chị B được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000757 ngày 02/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị B đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị B có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- UBND thị trấn P, huyện P, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Duy